TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/8/2023.
V/v: "ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Trúc.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lâm Ngọc Hà.
Ông Lê Văn Danh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2023/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2023 về "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 19/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Chổ ở hiện nay: Số N, khóm N, phường B, Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh V, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 16/5/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Chị và anh Trần Minh V tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/8/2022; thời gian chung sống phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được. Chị và anh V không có con chung; tài sản chung, nợ chung không có.

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh V; Chị và anh V không có con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Minh V:

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tống đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Phương T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, nhưng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tung dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn Trần Minh V đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tung dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Xét thấy anh Trần Minh V và chị Nguyễn Thị Phương T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/8/2022, phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong thời gian chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được. Từ khi Tòa án thụ lý cho đến nay, chị T cương quyết ly hôn, do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị T và anh V không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tung dân sự.
- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Trần Minh V.

- Về con chung: Chị T và anh V không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008920 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm**./.**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã H, H. C, ST;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Trúc